|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hà* *Nội*, *ngày tháng năm 2022* |

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH   
(Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành

Quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án

được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh)

**I. Xác định vấn đề tổng quan**

Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 (Luật BVMT 2020). Mục tiêu cao nhất của Luật BVMT 2020 là cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ sức khỏe người dân, cân bằng sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển kinh tế bền vững.

Căn cứ quy định về tín dụng xanh và trái phiếu xanh của Luật BVMT 2020 (Điều 149 và Điều 150); khoản 2 và 3 Điều 154 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao nhiệm vụ xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh (sau đây gọi là danh mục phân loại xanh) trước ngày 31 tháng 12 năm 2022. Việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh được thực hiện theo đề nghị của chủ dự án đầu tư, chủ thể phát hành trái phiếu xanh có nhu cầu xác nhận để được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước về tín dụng xanh, trái phiếu xanh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Triển khai thực hiện nhiệm vụ, Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) đã chủ trì, phối hợp với Tổ soạn thảo và các đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh (sau đây gọi là dự thảo Quyết định).

Nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu được cấp tín dụng xanh, chủ thể phát hành trái phiếu xanh, dự thảo Quyết định đã xác định sự cần thiết của việc ban hành thủ tục hành chính trên cơ sở bảo đảm phù hợp thực tế, tính hợp lý, nâng cao tính minh bạch, tính khả thi và chủ trương cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho việc thi hành. Thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được xác định là “**Xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh đối với dự án chuyển đổi xanh**” được quy định tại Điều 9 dự thảo Quyết định.

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2020) và Thông tư số 03/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 10 tháng 02 năm 2022, Bộ TN&MT đã tiến hành đánh giá tác động thủ tục hành chính (TTHC) trong dự thảo Quyết định.

**II. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính mới**

1. Sự cần thiết

Quy định về TTHC này là căn cứ pháp lý và nhằm bảo đảm sự rõ ràng, thuận tiện cho các tổ chức, cá nhân cũng như các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực thi hoạt động xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh để được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước về tín dụng xanh, trái phiếu xanh theo quy định.

2. Tính hợp pháp

TTHC này được quy định tại khoản 2 và 3 Điều 154 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP .

3. Tính hợp lý

- Tên TTHC: được quy định chính xác và thống nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 154 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu được cấp tín dụng xanh, doanh nghiệp có nhu cầu phát hành trái phiếu xanh muốn được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước về tín dụng xanh, trái phiếu xanh theo quy định.

- Cách thức thực hiện TTHC: Theo quy định, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có thể lựa chọn 01 trong 03 hình thức để thực hiện TTHC, gồm: nộp hồ sơ qua đường bưu điện, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp hồ sơ điện tử (qua cổng dịch vụ công trực tuyến).

- Thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định rõ ràng, cụ thể tại khoản 3 và khoản 4 Điều 9 dự thảo Quyết định.

- Hình thức, trình tự thực hiện TTHC: được quy định rõ ràng, cụ thể các bước thực hiện tại các khoản 5, 6 Điều 9 của dự thảo Quyết định.

- Thời hạn giải quyết TTHC: được quy định cụ thể tại khoản 7 Điều 9 dự thảo Quyết định.

- Cơ quan thực hiện TTHC: được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 9 dự thảo Quyết định,

- Phí, lệ phí: không

- Kết quả thực hiện TTHC: Giấy xác nhận dự án đầu tư hoặc hạng mục dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

4. Chi phí thực hiện thủ tục hành chính

- Tổng chi phí thực hiện TTHC cấp bộ ước tính: 15.053.755 đồng

- Chi phí thực hiện TTHC cấp tỉnh ước tính: 10.351.365 đồng

- Chi phí thực hiện TTHC cấp huyện ước tính: 10.107.085 đồng

*(Chi tiết đánh giá tác động TTHC mới trong dự thảo Quyết định được trình bày tại các Phụ lục 1, 2 của Báo cáo)*

# **III. Lấy ý kiến**

Dự thảo Quyết định đã được gửi lấy ý kiến theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2020) như sau:

- Dự thảo Quyết định đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ TN&MT để lấy ý kiến đóng góp rộng rãi của các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan (Công văn số 4780/BTNMT-VCLCSTNMT ngày 17 tháng 8 năm 2022);

- Dự thảo Quyết định đã gửi lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương có liên quan (Công văn số 4779/BTNMT-VCLCSTNMT ngày 17 tháng 8 năm 2022).

- Trong quá trình soạn thảo, đơn vị soạn thảo đã tổ chức nhiều cuộc họp để tham vấn các chuyên gia, nhà quản lý, và các cơ quan, tổ chức liên quan về TTHC và nội dung chuyên môn.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến, hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và có giải trình về các ý kiến góp ý tại Văn bản số… ngày…tháng… năm 2022.

# **IV. Phụ lục**

1. Phụ lục 1: Biểu đánh giá tác động của thủ tục hành chính mới
2. Phụ lục 2: Chi phí tuẩn thủ thủ tục hành chính./.

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

|  |
| --- |
| *Biểu mẫu số 02/ĐGTĐ-BHM*  *TT 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022* |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ------------------------------** |  |

# **Phụ lục 1. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN**

*(Kèm theo Báo cáo Đánh giá tác động thủ tục hành chính số /BC-BTNMT ngày tháng năm 2022)*

**Tên dự thảo văn bản:** Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:** Xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh

|  |  |
| --- | --- |
| **I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH** | |
| 1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương? | a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu cấp tín dụng xanh (TDX), phát hành trái phiếu xanh (TPX) và muốn hưởng ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước về TDX, TPX.  b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:  - Nhằm tăng cường nguồn lực bảo vệ môi trường, đóng góp cho quá trình chuyển đổi của Việt Nam sang một nền kinh tế có khả năng chống chịu với khí hậu carbon thấp và lành mạnh với môi trường.  - Cần thiết xác nhận để bảo đảm dự án đáp ứng tiêu chí môi trường trước khi phát hành và phù hợp với Quy định tại Điều 155 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP về cơ chế khuyến khích cấp TDX. |
| 2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm? | a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm:  **- Quyền của cá nhận, tổ chức thực hiện TTHC**: Các dự án hoặc loại hình dự án khi đáp ứng các tiêu chí môi trường theo quy định của pháp luật được tiếp cận nguồn vốn, được nhận ưu đãi hỗ trợ trong quá trình tiếp cận nguồn vốn TDX và huy động nguồn vốn từ việc phát hành TPX  **- Nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC:** Bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo đúng Danh mục phân loại xanh và tuân thủ quy định của pháp luật về BVMT.  Lý do Nhà nước cần quy định:  - Đảm bảo tính minh bạch, đúng mục tiêu đã được nêu tại Điều 149, Điều 150 trong Luật BVMT 2020 về TPX, TDX;  - Đảm bảo lợi ích nhà đầu tư mua TPX, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam cho vay ưu đãi;  - Đảm bảo quy định ưu đãi hỗ trợ của nhà nước được áp dụng đúng đối tượng, phù hợp với các tiêu chí môi trường. |
| 3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức? | a) Lý do quy định thủ tục hành chính:  - Tạo hành lang pháp lý cần thiết cho cá nhân, tổ chức có nhu cầu xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh để được hưởng các chính sách ưu đãi hỗ trợ của Nhà nước trong quá trình tiếp cận nguồn TDX và phát hành TPX.  - Thống nhất quy định chung cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong công tác xác nhận dự án đầu tư đáp ứng các tiêu chí về bảo vệ môi trường theo quy định tại danh mục phân loại xanh.  - Tạo căn cứ giúp tổ chức tín dụng, ngân hàng trong và ngoài nước thẩm định, đánh giá, xác định các loại hình dự án đầu tư đáp ứng các tiêu chí về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.  b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: Thủ tục hành chính được quy định tại Điều 9 của dự thảo Quyết định. |
| 4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không? | Có :  Nếu Có, nêu rõ biện pháp:  Không :  Nếu Không, nêu rõ lý do:  1. Việc không thực hiện TTHC này có thể dẫn đến một số rủi ro sau đây:  - Các ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước có thể cấp cho các dự án không thực sự xanh, không đáp ứng được các tiêu chí môi trường.  - Dòng vốn đầu tư không đáp ứng các mục tiêu về BVMT hoặc mang lại lợi ích môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 149 và khoản 2 Điều 150 Luật Bảo vệ môi trường.  - Không bảo đảm tính minh bạch của thị trường TPX, TDX; ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.  Ngoài ra, việc thực hiện TTHC này là cơ sở pháp lý để thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước về tín dụng xanh, trái phiếu xanh theo quy định tại khoản 3 Điều 154 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.  2. Có ý kiến cho rằng có thể tích hợp việc xác nhận dự án thuộc danh mục phân loại xanh trong quá trình thực hiện TTHC thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) hoặc TTHC cấp giấy phép môi trường (GPMT). Tuy nhiên, hiện các TTHC về thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM hoặc thẩm định, cấp GPMT đã được quy định cụ thể tại Luật BVMT 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, trong đó không quy định các vấn đề liên quan đến xác nhận dự án, hạng mục dự án xanh. Ngoài ra, có những dự án, hạng mục dự án không thuộc đối tượng phải lập báo cáo ĐTM hay thực hiện cấp GPMT; cũng như tổ chức, cá nhân có thể đề nghị xác nhận dự án xanh tại các thời điểm khác nhau, không chỉ trong thời điểm thực hiện các TTHC nêu trên |
| **II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| 1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Thủ tục hành chính được xây dựng phù hợp với pháp chế xã hội chủ nghĩa, phù hợp với luật pháp hiện hành của Nhà nước. Thủ tục hành chính được ban hành theo đúng quy định tại Điều 154 Nghị định số 08/NĐ-CP/2022 ngày 10/1/2022 về hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường 2020. |
| 2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không? | - Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận tạo thành: …………………………………………………………………………………  + Nêu rõ điều, Khoản, tên văn bản tương ứng: ……………………………………………………………. ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo ……………………………………………………………………… ………………………………………………………………………………………………………………  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận tạo thành:  - Với điều ước quốc tế có liên quan mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:  + Tên bộ phận tạo thành: …………………………………………………………………………………  + Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng: ……………………………………………………….  + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo ……………………………………………………………………………… ……………………………………………………………………………………………………………… |
| **III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Tên TTHC được quy định rõ ràng, phù hợp tại Điều 7 dự thảo Quyết định. |
| **2. Trình tự thực hiện** | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Các bước thực hiện TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể tại khoản 2 và 4 Điều 9 dự thảo Quyết định. Việc quy định như dự thảo Quyết định bảo đảm tính công bằng, minh bạch để tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện TTHC. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do:  - Đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng về trách nhiệm và nội dụng công việc của từng đối tượng thực hiện TTHC, tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện TTHC.  - Trách nhiệm và nội dung công việc của từng đối tượng phụ thuộc vào thời điểm thực hiện TTHC và quy mô, tính chất, loại hình dự án đầu tư đề nghị cấp TDX hoặc phát hành TPX. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Cơ chế liên thông được áp dụng trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh đồng thời với quá trình thẩm định, phê duyệt kết quả báo cáo ĐTM, cấp GPMT. Cơ chế liên thông với quy trình phê duyệt kết quả báo cáo ĐTM, cấp GPMT sẽ tiết kiệm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân và cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện TTHC. |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có  Không  Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định:  Lý do quy định: ……………………………………………………………..……………………………  - Các biện pháp có thể thay thế: Có  Không  Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ……………………………………………… |
| **3. Cách thức thực hiện** | |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp  Bưu chính  Điện tử  b) Nhận kết quả:  Trực tiếp  Bưu chính  Điện tử | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có  Không  Nêu rõ lý do: Cách thức gửi hồ sơ, tiếp nhận, giải quyết và thông báo kết quả xác nhận được quy định rõ tại khoản 4 Điều 9 của dự thảo Quyết định nhằm tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí cho các tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC.  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có  Không  Nêu rõ lý do: TTHC áp dụng cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả bao gồm trực tiếp, bưu chính và điện tử. Việc quy định như dự thảo sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân lựa chọn 01 trong 03 cách thức phù hợp với điều kiện của mình và cơ quan nhà nước có trách nhiệm thực hiện theo cách thức mà tổ chức, cá nhân sử dụng. |
| **4. Thành phần, số lượng hồ sơ** | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: Văn bản đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh | - Nêu rõ lý do quy định: Là cơ sở để khẳng định tổ chức, cá nhân có nhu cầu xác nhận dự án hoặc hạng mục của dự án thuốc danh mục phân loại xanh.  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu quy định tại Phụ lục II dự thảo Quyết định.  Lý do quy định hình thức: Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong quá trình giải quyết TTHC trên phạm vi toàn quốc. |
| b) Tên thành phần hồ sơ 2: Báo cáo thuyết minh dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh | - Nêu rõ lý do quy định:  + Xác định tính phù hợp của dự án hoặc hạng mục của dự án trong công tác bảo vệ môi trường, mang lại lợi ích cho môi trường, đáp ứng các tiêu chí môi trường theo quy định của pháp luật.  + Đánh giá công tác thực hiện các thủ tục môi trường, xác định công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu quy định tại Phụ lục IV dự thảo Quyết định.  Lý do quy định hình thức:  - Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong quá trình giải quyết TTHC trên phạm vi toàn quốc.  - Đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin chứng minh dự án hoặc hạng mục của dự án thuộc danh mục phân loại xanh. |
| c) Tên thành phần hồ sơ 3: Văn bản chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá, thiết bị, công nghệ, dịch vụ đáp ứng các ngưỡng và chỉ tiêu môi trường | - Nêu rõ lý do quy định: Nhằm bảo đảm dự án đầu tư đáp ứng đúng các tiêu chí sàng lọc, ngưỡng và chỉ tiêu theo quy định của danh mục phân loại dự án xanh.  - Yêu cầu về hình thức: Không quy định trong dự thảo Quyết định do đã thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đánh giá sự phù hợp (quy định của pháp luật về đánh giá sự phù hợp của chất lượng sản phẩm, hàng hoá; quy định của pháp luật về kiểm định, hiệu chuẩn và các quy định pháp luật khác có liên quan). |
| d) Tên thành phần hồ sơ 4: Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM, GPMT hoặc văn bản tương đương (nếu có) và các tài liệu kỹ thuật của dự án | - Nêu rõ lý do quy định: Nhằm bảo đảm dự án đầu tư đáp ứng các yêu cầu không gây hại đáng kể đến mục tiêu môi trường khác.  - Yêu cầu về hình thức:  + Đối với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM, GPMT: Không quy định trong dự thảo Quyết định do thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về ĐTM, GPMT và các pháp luật khác có liên quan.  + Đối với các tài liệu kỹ thuật của dự án: được quy định tại Phụ lục III của dự thảo Quyết định. |
| e) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có  Không  Nêu rõ:  a) Đã quy định rõ đối với các dự án đã vận hành hoạt động phải có văn bản chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá, thiết bị, công nghệ, dịch vụ đáp ứng các ngưỡng và chỉ tiêu môi trường được thực hiện bởi tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường và pháp luật khác có liên quan trong thành phần hồ sơ.  b) Đối với trường hợp việc xác nhận đồng thời với quá trình thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM, cấp GPMT của dự án đầu tư, tài liệu khác của dự án đầu tư là hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM, cấp GPMT;  c) Đối với trường hợp thời điểm đề nghị xác nhận sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM và trước khi cấp GPMT của dự án đầu tư thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM, cấp GPMT theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài liệu khác của dự án đầu tư bao gồm: báo cáo ĐTM đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định hoặc tài liệu tương đương; báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương của dự án đầu tư đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật; thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật và bản vẽ thi công đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng (nếu có);  d) Đối với trường hợp thời điểm đề nghị xác nhận sau khi có GPMT đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM, cấp GPMT theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài liệu khác của dự án đầu tư bao gồm: báo cáo đề xuất cấp GPMT; báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương của dự án đầu tư đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật; thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật và bản vẽ thi công đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng (nếu có);  đ) Đối với trường hợp thời điểm đề nghị xác nhận sau khi có GPMT đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng phải có GPMT nhưng không thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài liệu khác của dự án đầu tư bao gồm: báo cáo đề xuất cấp GPMT; báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương của dự án đầu tư đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật; thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật và bản vẽ thi công đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng (nếu có);  e) Đối với trường hợp thời điểm đề nghị xác nhận sau khi đã đăng ký môi trường đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM, cấp GPMT theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài liệu khác của dự án đầu tư bao gồm: bản đăng ký môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương của dự án đầu tư đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật; thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật và bản vẽ thi công đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng (nếu có);  g) Sau khi báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương của dự án đầu tư đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện ĐTM, GPMT, đăng ký môi trường, tài liệu khác của dự án đầu tư bao gồm: báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương của dự án đầu tư đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật; thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật và bản vẽ thi công đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng (nếu có). |
| f) Số lượng bộ hồ sơ: dự thảo Quyết định đã quy định số lượng bộ hồ sơ cho từng trường hợp cụ thể | Thành phần hồ sơ đã được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 9, trong đó số lượng Báo cáo giải trình dự án hoặc hạng mục dự án thuộc danh mục phân loại xanh phụ thuộc vào hình thức gửi hồ sơ và hình thức thẩm định. Số lượng từ 02 bộ hồ sơ trở lên chỉ được áp dụng trong trường hợp tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện được quy định như sau:  - Tương đương số lượng bộ hồ sơ ĐTM, báo cáo đề xuất cấp GPMT đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 9 của dự thảo Quyết định;  - 03 bộ hồ sơ đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 5 Điều 9 của dự thảo Quyết định.  Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):* Để bảo đảm sự thuận lợi trong quá trình liên thông giải quyết TTHC. |
| **5. Thời hạn giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Có  Không  - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Được quy định chi tiết tại khoản 10 Điều 7 của dự thảo Quyết định, theo đó:  *Thời hạn xác nhận dự án hoặc hạng mục của dự án thuộc Danh mục phân loại xanh*  a) Tương đương thời hạn thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM, cấp GPMT đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 9 của dự thảo Quyết định;  b) Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và theo quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 9 đối với trường hợp phải tổ chức xác nhận thông qua hội đồng thẩm định quy định tại điểm b khoản 5 Điều 9 của dự thảo Quyết định;  c) Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và theo quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 9 của dự thảo Quyết định đối với trường hợp phải tổ chức xác nhận thông qua hình thức lấy ý kiến chuyên gia;  d) Không quá 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và theo quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 9 của dự thảo Quyết định đối với trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền tự xem xét xác nhận;  đ) Thời hạn xác nhận không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận.  Lý do quy định:  - Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện TTHC về ĐTM và GPMT;  - Bảo đảm tính khả thi trong quá trình thực hiện TTHC trên cơ sở mức độ tác động đến môi trường của dự án hoặc hạng mục của dự án;  - Bảo đảm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện TTHC. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có  Không  Lý do quy định: Đối với từng trường hợp cụ thể quy định tại khoản 5 Điều 9 của dự thảo Quyết định, TTHC trong dự thảo Quyết định được quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết tại khoản 7 Điều 9 của dự thảo Quyết định đối với 01 cơ quan có thẩm quyền giải quyết. |
| **6. Đối tượng thực hiện** | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ:  Tổ chức có nhu cầu được cấp TDX và doanh nghiệp có nhu cầu phát hành TPX và muốn được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước về TDX, TPX theo quy định pháp luật (được quy định rõ tại khoản 2 Điều 7 dự thảo Quyết định).  Lý do quy định: quy định áp dụng đối với mọi chủ đầu tư dự án, bao gồm tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài không phân biệt đối xử để bảo đảm sự công bằng, nâng cao trách nhiệm của các tổ chức trong việc bảo vệ môi trường.  - Cá nhân: Trong nước  Nước ngoài  Mô tả rõ: Cá nhân có nhu cầu được cấp TDX và muốn được được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước về TDX theo quy định pháp luật (được quy định rõ tại khoản 2 Điều 7 dự thảo Quyết định).  Lý do quy định: quy định áp dụng đối với mọi cá nhân trong nước và nước ngoài không phân biệt đối xử để bảo đảm sự công bằng, nâng cao trách nhiệm của các cá nhân trong việc bảo vệ môi trường.  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:  Có  Không  Nêu rõ lý do: TTHC chỉ thực hiện khi tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận để được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước về TDX, TPX theo quy định pháp luật. |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc  Vùng  Địa phương  - Nông thôn  Đô thị  Miền núi  - Biên giới, hải đảo  - Lý do quy định: quy định áp dụng chung trên toàn quốc, không phân biệt vùng, miền, nông thôn, đô thị để bảo đảm sự thống nhất, công bằng và đạt hiệu quả cao nhất trong bảo vệ môi trường  - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:  Có  Không  Nêu rõ lý do: TTHC áp dụng với các đối tượng bao gồm tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm:  Dựa trên số liệu về kết quả hoạt động phát hành TPX và cấp TDX của Ngân hàng nhà nước và Bộ Tài chính báo cáo năm 2022, dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm như sau:  - Đối với hoạt động phát hành TPX: dự kiến số lượng dự án huy động vốn thông qua phát hành TPX trong 1 năm khoảng 20 dự án  - Đối với hoạt động cấp TDX: dự kiến số lượng tổ chức tín dụng cấp TDX trong 1 năm khoảng 11 tổ chức  *Lưu ý: Số lượng đối tượng thực hiện sẽ tăng dần theo từng năm* | |
| **7. Cơ quan giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có  Không  Lý do quy định:  - Cơ quan giải quyết TTHC thông qua xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh được quy định rõ ràng, cụ thể tại khoản 1 Điều 9 của dự thảo Quyết định.  - Việc quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết TTHC là cần thiết để tránh sự chồng chéo về thẩm quyển xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có  Không  Nêu rõ lý do: Dự thảo Quyết định đã phân cấp việc thực hiện TTHC đến tận cấp huyện. Bên cạnh đó, để bảo đảm sự thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, việc quy định cơ quan giải quyết phải phù hợp với phân cấp thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM, cấp GPMT, tiếp nhận đăng ký môi trường của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về BVMT và phù hợp với nguồn lực, năng lực chuyên môn của các cơ quan nhà nước về BVMT hiện nay. |
| **8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)** | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không  Có  Nếu ó, nêu rõ lý do: ………………………………………………………………………………………  - Phí: Không  Có  Nếu Có nêu rõ lý do: ……………………………………………………………………………………….  - Chi phí khác: Không  Có  Nếu Có, nêu rõ lý do: ………………………………………………………………………………………  - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (*nếu được quy định tại dự án, dự thảo*):  + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): ……………………………………………………………………  + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): …………………………………………………………………  + Mức chi phí khác: ………………………………………………………………………………………..  + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có  Không  Lý do: ………………………………………………………………………………………………………  - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: ........................................................................................................................................................................ |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có  Không  Nội dung quy định: …………………………………………………….…………………………………..  Lý do quy định: ……………………………………………………………………………………………. |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có  Không  Lý do: Thống nhất phương thức xác nhận dự án và hạng mục dự án thuộc Danh mục Phân loại xạnh cho cá nhân, tổ chức có nhu cầu xác nhận. |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai: Văn bản đề nghị xác nhận dự án thuộc danh mục phân loại xanh | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin chung về dự án hoặc hạng mục dự án  + Nội dung thông tin 2: Cung cấp thông tin về hồ sơ đi kèm văn bản đề nghị xác nhận  Lý do quy định:  - Kiểm tra tư cách pháp lý của tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận dự án hoặc hạng mục dự án thuộc Danh mục phân loại xanh  - Làm rõ thành phần hồ sơ đề nghị xác nhận dự án hoặc hạng mục dự án thuộc Danh mục phân loại xanh theo quy định.  - Để cơ quan quản lý nhà nước liên hệ trong trường hợp cần thiết.  Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có  Không  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận dự án thuộc Danh mục phân loại xanh có trách nhiệm ký, đóng dấu vào văn bản.  Lý do quy định: Việc quy định về ký, đóng dấu (nếu có) để khẳng định tính pháp lý của văn bản. |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt  Song ngữ  Nêu rõ loại song ngữ: …………………………………………………  Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): ………………………………………………… |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có  Không  Lý do quy định: Để bảo đảm dự án đầu tư, hạng mục dự án đầu tư đáp ứng đúng các tiêu chí môi trường của danh mục phân loại xanh theo quy định. |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1: Đối với trường hợp dự án đã vận hành hoạt động, cụ thể: với các dự án này phải có Văn bản chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá, thiết bị, công nghệ, dịch vụ đáp ứng các ngưỡng và chỉ tiêu môi trường được thực hiện bởi tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường và pháp luật khác có liên quan. | - Lý do quy định:  + Tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện TTHC.  + Đảm bảo tính đồng bộ, kế thừa, thống nhất các thông tin dữ liệu trong quá trình thực hiện các TTHC khác về bảo vệ môi trường.  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ: Tuỳ vào loại hình dự án đề nghị xác nhận, trong một số trường hợp Văn bản chứng nhận sự phù hợp này là kết quả từ một TTHC khác.  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ: Thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến đánh giá, chứng nhận sự phù hợp  + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): |
| b) Yêu cầu, điều kiện 2: Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM, GPMT hoặc văn bản tương đương (nếu có) | - Lý do quy định: Nhằm bảo đảm các yêu cầu không gây hại đáng kể đến các mục tiêu môi trường khác của dự án đầu tư, hạng mục dự án đầu tư.  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có  Không  Nếu Có, đề nghị nêu rõ: Tổ chức, cá nhân phải thực hiện các TTHC về thẩm định báo cáo ĐTM hoặc thẩm định, cấp GPMT để có các Quyết định này.  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có  Không  + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): Thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành về thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM và thểm định, cấp GPMT |
| **11. Kết quả thực hiện** | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép  - Giấy chứng nhận  - Giấy đăng ký  - Chứng chỉ  - Thẻ  - Quyết định hành chính  - Văn bản xác nhận/chấp thuận  - Loại khác:  Đề nghị nêu rõ: …………………………………………………………………………….  Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy  Bản điện tử |
| b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có  Không  Lý do: Kết quả thực hiện thủ tục hành chinh được mẫu hóa dưới dạng Giấy xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh, được thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V của dự thảo Quyết định nhằm bảo đảm tính thống nhất trong việc áp dụng trên phạm vi toàn quốc. |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Có  Không  - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: …………………. tháng/ năm.  - Nếu Không, nêu rõ lý do: Giấy xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh có vai trò là căn cứ để tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp TDX và doan nghiệp phát hành TPX hưởng các ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước có liên quan. Do đó không cần thiết phải quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của Giấy xác nhận. |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Toàn quốc  Địa phương  Lý do: ……………………………………………………………………………………………………… |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | |
| Họ và tên người điền: Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường  Điện thoại cố định: 024.37931629/118; Di động: 0982440903; E-mail: lv.manh82@gmail.com | |

# *Biểu mẫu số 04/ĐGTĐ-SCM*

*TT 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ------------------------------** |  |

# **Phụ lục 2. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH**

*(Kèm theo Báo cáo Đánh giá tác động thủ tục hành chính số /BC-BTNMT ngày tháng năm 2022)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

**TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:** Xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh

Dựa trên số liệu về kết quả hoạt động phát hành TPX và cấp TDX của Ngân hàng nhà nước và Bộ Tài chính báo cáo năm 2022, dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm như sau:

- Đối với hoạt động phát hành TPX: dự kiến số lượng dự án huy động vốn thông qua phát hành TPX trong 1 năm khoảng 20 dự án

- Đối với hoạt động cấp TDX: dự kiến số lượng tổ chức tín dụng cấp TDX trong 1 năm khoảng 11 tổ chức

*Lưu ý: Số lượng đối tượng thực hiện sẽ tăng dần theo từng năm*

Theo đó, tổng số lượng hồ sơ xác nhận đối với dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh ước tính là 31 hồ sơ/01 năm trong đó: tổng số lượng hồ sơ xác nhận cấp Bộ là 17 hồ sơ; tổng hồ sơ xác nhận cấp tỉnh là 10 hồ sơ; tổng số hồ sơ xác nhận cấp huyện là 4 hồ sơ.

| **STT** | **Các công việc khi thực hiện TTHC** | **Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể** | **Thời gian thực hiện** (giờ) | **Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc** (đồng) | **Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ** (đồng) | **Mức phí, lệ phí, chi phí khác** (đồng) | **Số lần thực hiện/ 01 năm** | **Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm** | **Chi phí thực hiện TTHC** (đồng) | **Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm** (đồng) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Chuẩn bị hồ sơ** |  |  |  |  |  |  |  | **2.427.533** | **3.786.340** |
| **1.1** | **Nghiên cứu, tỉm hiểu TTHC** | Tìm hiểu thông tin, quy định về TTHC | 4 | 30.535 |  |  | 1 | 31 | 122.140 | 3.786.340 |
| **1.2** | **Thành phần hồ sơ** |  |  |  |  |  |  |  | **2.305.393** | **71.467.168** |
| **1.2.1** | Văn bản đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh | Soạn văn bản, in ấn, trình ký văn bản | 2 | 30.535 |  |  | 1 | 31 | 61.070 | 1.893.170 |
| **1.2.2** | Báo cáo thuyết minh dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh | Thu thập, tổng hợp thông tin, phân tích, đánh giá, hoàn thiện báo cáo theo yêu cầu | 72 | 30.535 |  |  | 1 | 31 | 2.198.520 | 68.154.120 |
| **1.2.3** | Văn bản chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá, thiết bị, công nghệ, dịch vụ đáp ứng các chỉ tiêu môi trường | Thu thập, tổng hợp thông tin | 0,5 | 30.535 |  |  | 1 | 31 | 15.268 | 473.293 |
| **1,2,4** | Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường hoặc văn bản tương đương (nếu có) và các tài liệu kỹ thuật của dự án | Thu thập, tổng hợp thông tin, phân tích, đánh giá, hoàn thiện báo cáo theo yêu cầu | 1 | 30.535 |  |  | 1 | 31 | 30.535 | 946.585 |
| **2** | **Nộp hồ sơ** |  |  |  |  |  |  |  | **1.267.203** | **9.374.245** |
| 2.1 | **Nộp hồ sơ (cấp Bộ)** | Trực tiếp | 24 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 732.840 | 7.328.400 |
|  |  | Bưu chính | 2 | 30.535 |  |  | 1 | 2 | 61.070 | 122.140 |
|  |  | Điện tử | 0,5 | 30.535 |  |  | 1 | 5 | 15.268 | 76.338 |
|  |  | **Tổng** |  |  |  |  |  | **17** | **809.178** | **7.526.878** |
| 2.2 | **Nộp hồ sơ (cấp tỉnh)** | Trực tiếp | 8 | 30.535 |  |  | 1 | 6 | 244.280 | 1.465.680 |
|  |  | Bưu chính | 1 | 30.535 |  |  | 1 | 2 | 30.535 | 61.070 |
|  |  | Điện tử | 0,5 | 30.535 |  |  | 1 | 2 | 15.268 | 30.535 |
|  |  | **Tổng** |  |  |  |  |  | **10** | **290.083** | **1.557.285** |
| **2.3** | **Nộp hồ sơ (cấp huyện)** | Trực tiếp | 4 | 30.535 |  |  | 1 | 2 | 122.140 | 244.280 |
|  |  | Bưu chính | 1 | 30.535 |  |  | 1 | 1 | 30.535 | 30.535 |
|  |  | Điện tử | 0,5 | 30.535 |  |  | 1 | 1 | 15.268 | 15.268 |
|  |  | **Tổng** |  |  |  |  |  | **4** | **167.943** | **290.083** |
| **3** | **Nộp phí, lệ phí, chi phí khác** |  |  |  |  |  |  |  | - | - |
| 3.1 | Phí |  |  |  |  |  |  |  | - | - |
| 3.2 | Lệ phí |  |  |  |  |  |  |  | - | - |
| 3.3 | Chi phí khác (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  | - | - |
| **4** | **Thời gian thực hiện TTHC** |  |  |  |  |  |  |  | **25.649.400** | **289.471.800** |
| **4.1** | **Cấp Bộ** |  |  |  |  |  |  |  | - | - |
|  | Thời gian thẩm định |  | 360 | 30.535 |  |  | 1 | 17 | 10.992.600 | 186.874.200 |
| **4.2** | **Cấp Tỉnh** |  |  |  |  |  |  |  | - | - |
|  | Thời gian thẩm định |  | 240 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 7.328.400 | 73.284.000 |
| **4.3** | **Cấp Huyện** |  |  |  |  |  |  |  | - | - |
|  | Thời gian thẩm định |  | 240 | 30.535 |  |  | 1 | 4 | 7.328.400 | 29.313.600 |
| **5** | **Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Hoạt động 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Hoạt động 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Công việc khác** (nếu có) Thời gian chỉnh sửa , bổ sung |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** | **Nhận kết quả** |  |  |  |  |  |  |  | **1.267.203** | **9.404.780** |
| **6.1** | **Nhận kết quả (Cấp Bộ)** | Trực tiếp | 24 | 30.535 |  |  | 1 | 10 | 732.840 | 7.328.400 |
|  |  | Bưu chính | 2 | 30.535 |  |  | 1 | 2 | 61.070 | 122.140 |
|  |  | Điện tử | 0,5 | 30.535 |  |  | 1 | 5 | 15.268 | 76.338 |
|  |  | **Tổng** |  |  |  |  |  |  | **809.178** | **7.526.878** |
| **6.2** | **Nhận kết quả (Cấp tỉnh)** | Trực tiếp | 8 | 30.535 |  |  | 1 | 6 | 244.280 | 1.465.680 |
|  |  | Bưu chính | 1 | 30.535 |  |  | 1 | 2 | 30.535 | 61.070 |
|  |  | Điện tử | 0,5 | 30.535 |  |  | 1 | 4 | 15.268 | 61.070 |
|  |  | **Tổng** |  |  |  |  |  |  | **290.083** | **1.587.820** |
| **6.3** | **Nhận kết quả**  **(Cấp huyện)** | Trực tiếp | 4 | 30.535 |  |  | 1 | 2 | 122.140 | 244.280 |
|  |  | Bưu chính | 1 | 30.535 |  |  | 1 | 1 | 30.535 | 30.535 |
|  |  | Điện tử | 0,5 | 30.535 |  |  | 1 | 1 | 15.268 | 15.268 |
|  |  | **Tổng** |  |  |  |  |  |  | **167.943** | **290.083** |
|  | **Tổng cấp Bộ** | |  |  |  |  |  |  | **15.038.488** | **205.714.295** |
|  | **Tổng cấp tỉnh** | |  |  |  |  |  |  | **10.336.098** | **80.215.445** |
|  | **Tổng cấp huyện** | |  |  |  |  |  |  | **10.091.818** | **33.680.105** |